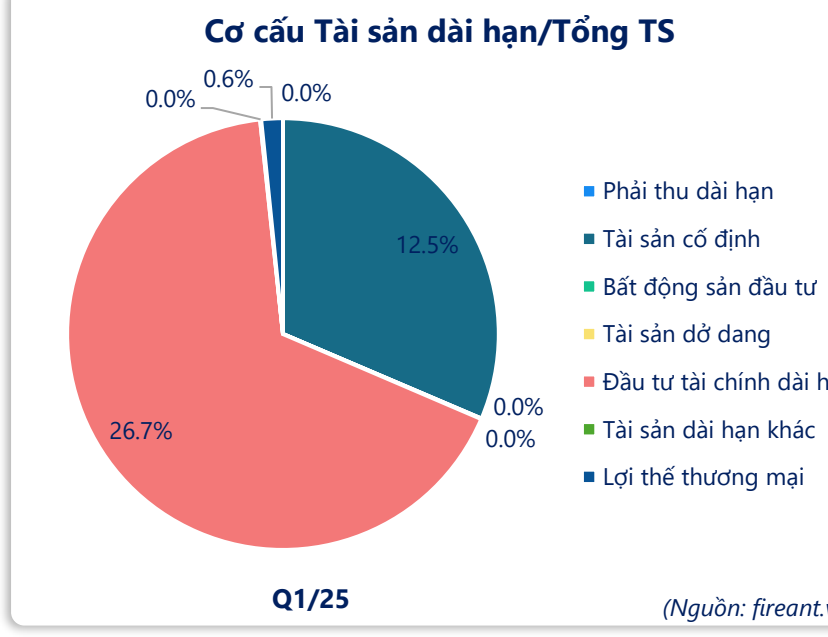
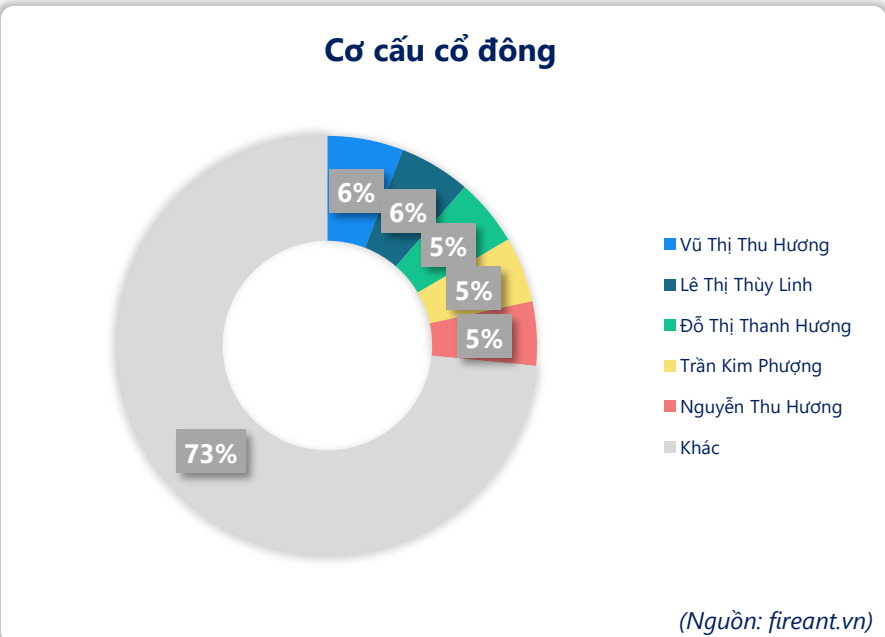
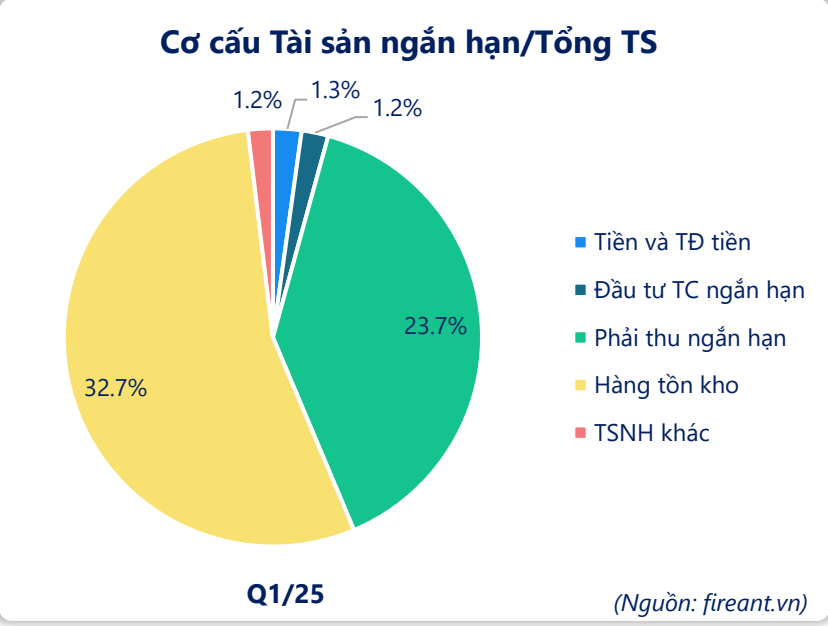
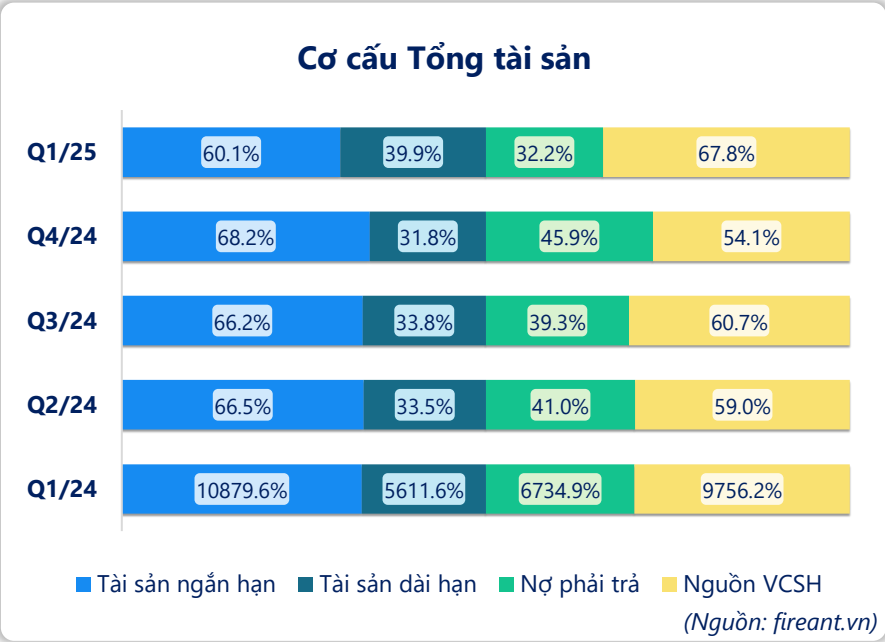
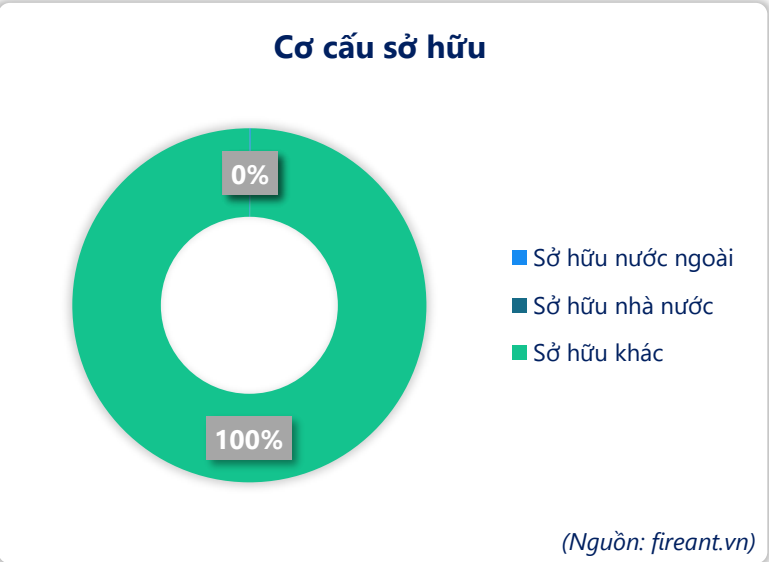
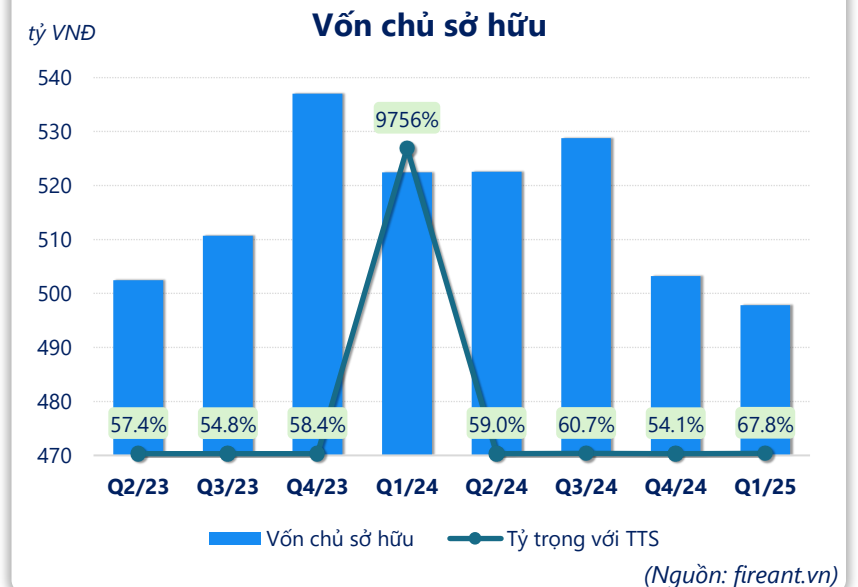
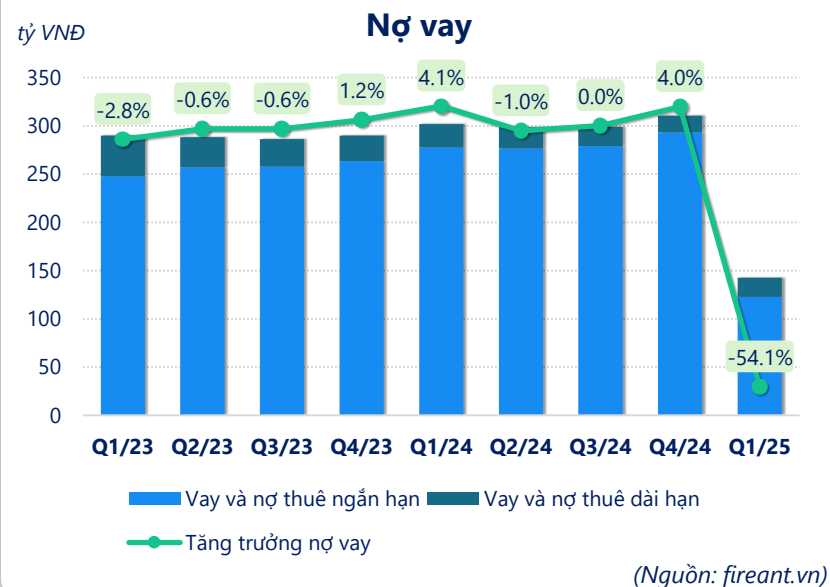
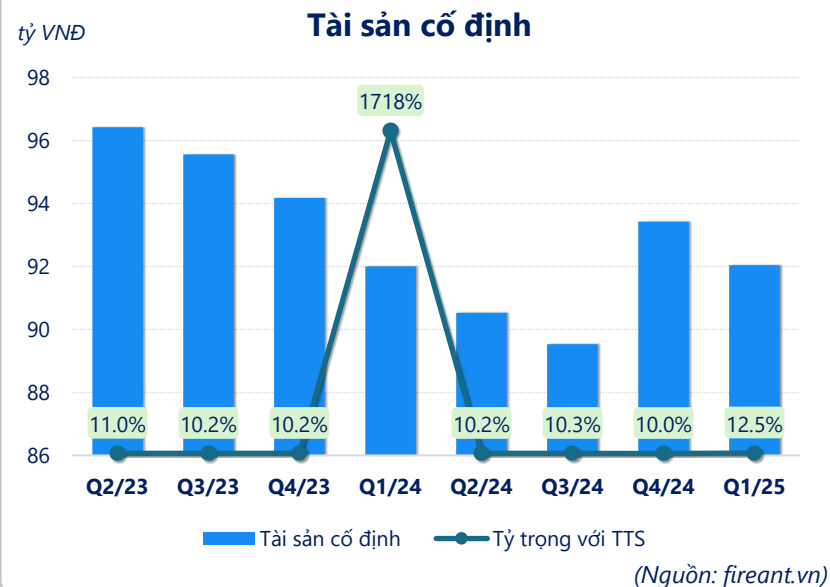
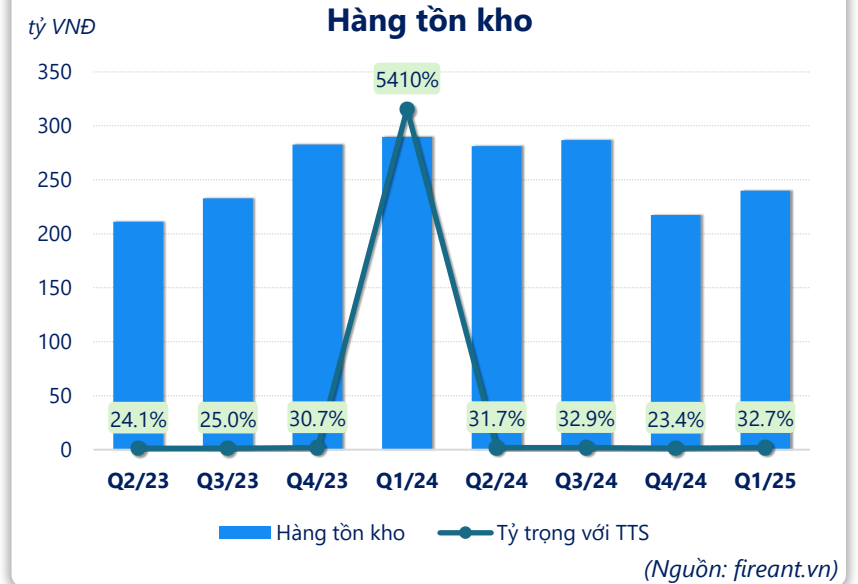
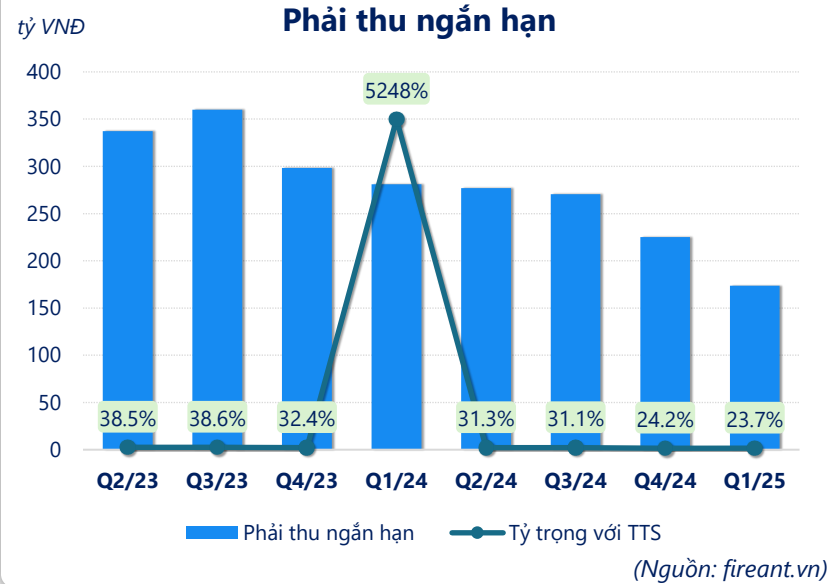
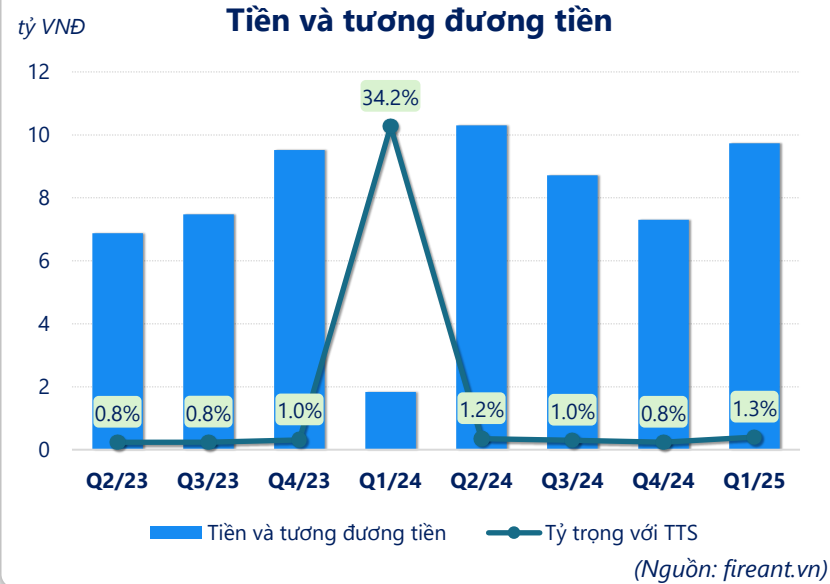
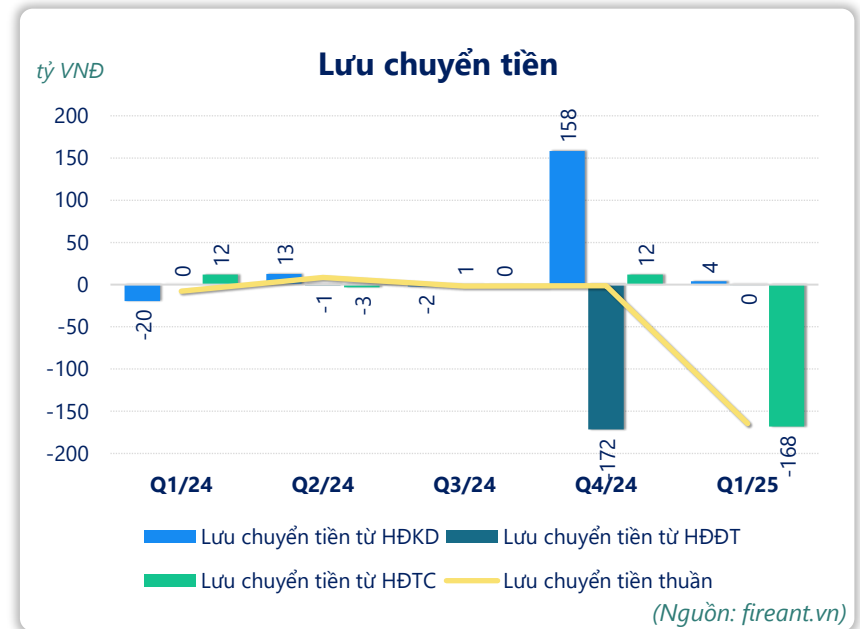
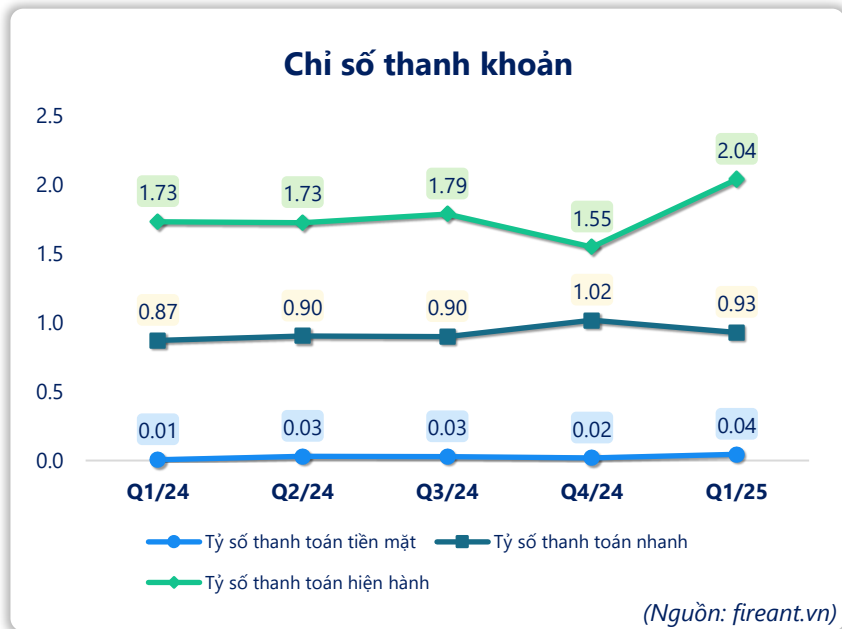
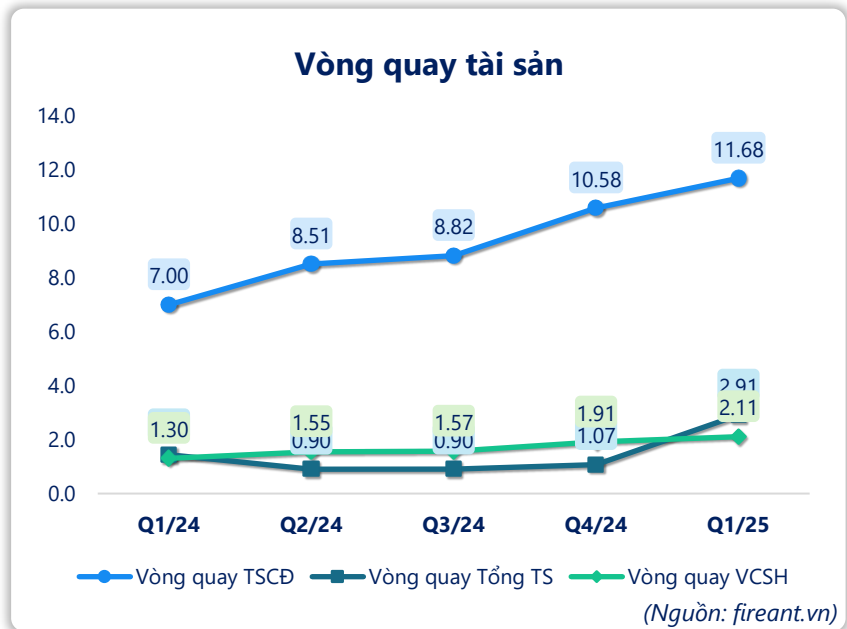
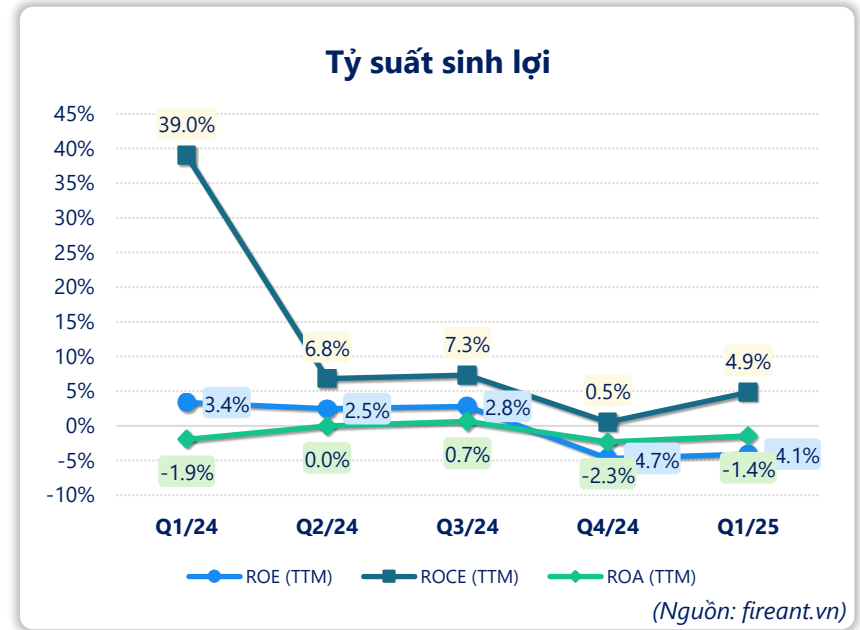
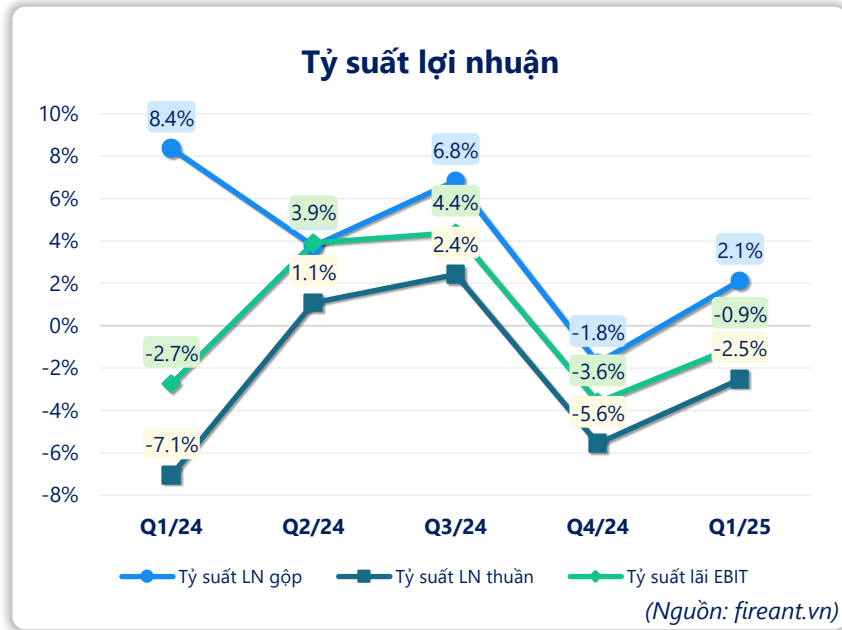
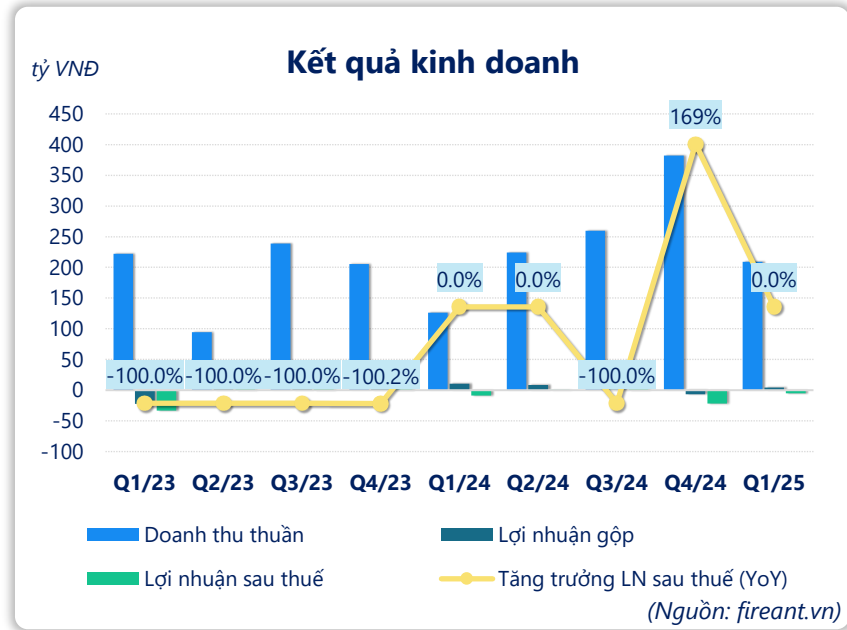


Thông tin giao dịch		31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		2,290
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		2,910
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		2,220
SL cổ phiếu LH		52,500,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		79,505
% sở hữu nước ngoài		0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		120
P/E		-5.8
EPS		-396

	YTD	1T	3T	6T
TNI	1.3%	-3.0%	-0.9%	-3.4%
VNINDEX	2.9%	-0.4%	2.7%	1.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	734	931	-21.1%
Tài sản ngắn hạn	441	634	-30.5%
Tiền và tương đương tiền	9.73	174	-94.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	9.10	9.01	1.0%
Phải thu ngắn hạn	174	219	-20.8%
Hàng tồn kho	240	223	7.6%
Tài sản ngắn hạn khác	8.47	8.36	1.3%
Tài sản dài hạn	293	296	-1.1%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	92.0	93.4	-1.5%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.11	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	196	198	-1.0%
Tài sản dài hạn khác	0.23	0.27	-14.6%
Lợi thế thương mại	4.74	4.89	-3.2%
Nợ phải trả	236	427	-44.7%
Nợ ngắn hạn	216	410	-47.2%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	123	293	-58.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	77.3	93.1	-17.0%
Nợ dài hạn	20.0	17.7	12.9%
Vay và nợ thuê dài hạn	19.8	17.5	13.5%
Nguồn vốn chủ sở hữu	498	503	-1.1%
Vốn chủ sở hữu	498	503	-1.1%
Vốn điều lệ	525	525	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Doanh thu thuần	126	224	260	382	209
Giá vốn hàng bán	116	216	242	392	204
Lợi nhuận gộp	10.6	8.44	17.8	-6.71	4.45
Doanh thu HĐTC	0.13	0.14	0.10	0.10	0.48
Chi phí TC	6.66	7.73	6.18	7.66	3.49
Chi phí lãi vay	5.50	8.67	5.46	7.61	3.49
LN trong công ty LKLD	-1.45	-1.64	-1.55	-1.58	-1.88
Chi phí bán hàng	1.85	1.47	1.16	1.78	1.30
Chi phí QLDN	9.66	-4.69	2.68	3.64	3.52
LN thuần từ HĐKD	-8.92	2.44	6.29	-21.3	-5.26
Lợi nhuận khác	-0.04	-2.35	-0.32	-0.15	-0.09
LN trước thuế	-8.96	0.09	5.97	-21.4	-5.35
Lợi nhuận sau thuế	-8.96	0.09	5.97	-21.6	-5.35
LNST của CĐ cty mẹ	-9.02	-0.02	5.87	-21.3	-5.32

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-19.6	12.6	-2.27	158	3.96
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.02	-0.99	0.53	-172	-0.47
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	11.9	-3.16	0.12	11.8	-168
Tiền đầu kỳ	9.51	1.83	10.3	8.71	174
Lưu chuyển tiền thuần	-7.68	8.47	-1.62	-1.41	-165
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0.04	0.00	0
Tiền cuối kỳ	1.83	10.3	8.71	7.30	9.73

(Nguồn: fireant.vn)